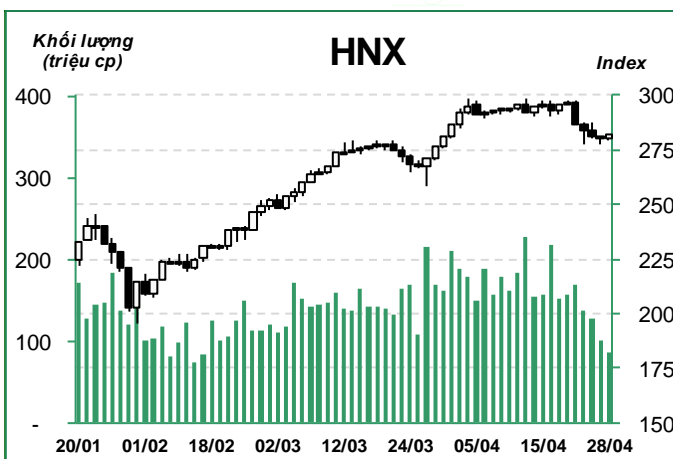
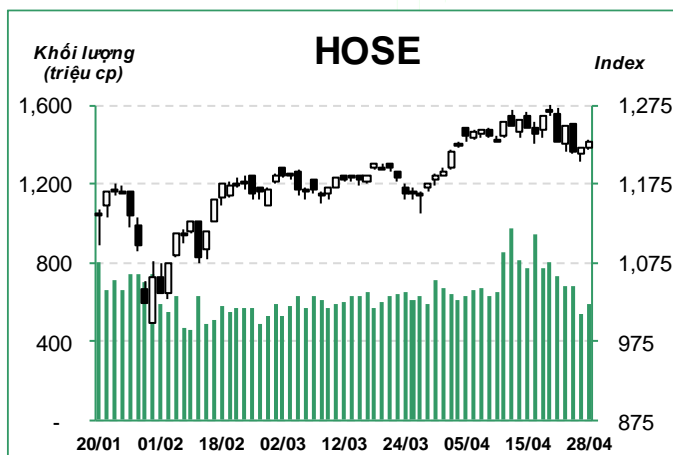


Tổng quan thị trường

28/04/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	1,229.55	0.80%	1,294.06	0.80%	282.07	0.54%
Cuối tuần trước	1,248.53	-1.52%	1,301.39	-0.56%	283.63	-0.55%
Trung bình 20 ngày	1,241.05	-0.93%	1,272.86	1.67%	290.66	-2.96%
Tổng KLGD (triệu cp)	612.70	-0.89%	214.86	16.84%	96.90	-5.36%
KLGD khớp lệnh	589.50	8.23%	206.90	20.44%	85.75	-14.55%
Trung bình 20 ngày	731.42	-19.40%	218.79	-5.44%	159.08	-46.10%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	15,409.99	-0.32%	8,900.01	9.72%	2,002.60	16.71%
GTGD khớp lệnh	14,247.14	9.04%	8,473.14	16.33%	1,704.87	1.85%
Trung bình 20 ngày	17,058.82	-16.48%	9,273.45	-8.63%	2,771.21	-38.48%
	Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng	
Số mã tăng	280	62%	21	70%	133	36%
Số mã giảm	128	28%	7	23%	78	21%
Số mã đứng giá	46	10%	2	7%	155	42%



Thị trường có phiên tăng điểm trở lại khi tâm lý nhà đầu tư được hỗ trợ bởi thông tin kết quả kinh doanh khả quan của một loạt các doanh nghiệp vừa được công bố. Tuy nhiên, nhịp tăng này chưa thực sự tích cực khi lực cầu chỉ tập trung chủ yếu ở nhóm vốn hóa lớn và thanh khoản trên toàn thị trường vẫn dưới mức trung bình. Trong phiên giao dịch ngày mai, thị trường có thể sẽ xảy ra biến động mạnh với việc các quỹ ETF nội sẽ thực hiện cấu lại danh mục định kỳ theo các rổ chỉ số mới.

Trên sàn HoSE, VN-Index đóng cửa tại mức 1,229.55 điểm (+0.80%). Thanh khoản tăng nhẹ với KLGD khớp lệnh đạt 589.5 triệu cổ phiếu (+8.2%), tương đương 14,247 tỷ đồng giá trị (+9.0%). Độ rộng thị trường nghiêng về bên mua khi toàn sàn ghi nhận 280 mã tăng/128 mã giảm.

Novaland-NVL (+5.3%) vẫn thăng hoa khi bật tăng tốt, đặc biệt là lực cầu mạnh trong phiên ATC để giúp VN-Index nổi rộng đà tăng điểm. Dòng tiền cũng đã trở lại với nhóm cổ phiếu ngân hàng với các cổ phiếu tăng điểm nổi bật như VPBank-VPB (+3.4%), Sacombank-STB (+4.8%), Eximbank-EIB (+5.4%). Bên cạnh đó, những thông tin về kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp được công bố cũng được thị trường phản ánh vào giá của cổ phiếu với điển hình là phiên tăng trần của Tập đoàn Cao su Việt Nam-GVR (+6.8%). Ở chiều ngược lại, Vinamilk-VNM (-2.1%) là tác nhân chính cản bước đà tăng của thị trường hôm nay với phiên giảm sâu thủng đáy. Ngoài ra, một vài Bluechips khác như Vingroup-VIC (-0.5%), Hòa Phát-HPG (-0.5%), Thế giới di động-MWG (-1.3%) cũng hạ nhiệt nhưng thực sự đáng kể.

Khối ngoại tiếp tục mua ròng trên sàn HoSE trong phiên hôm nay, đạt giá trị 396.0 tỷ đồng (-1.7%). Trong đó, Vinhomes-VHM (+186.0 tỷ), Sacombank-STB (+139.2 tỷ), Masan-MSN (+101.5 tỷ) là những cổ phiếu được hút ròng mạnh mẽ nhất. Trái lại, khối ngoại tập trung bán ròng chủ yếu là Vinamilk-

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
TPB	4,000.0	104.80
VNM	1,072.8	101.42
NVL	660.0	78.36
GAB	340.0	64.99
AGG	1,142.0	47.96
HPG	838.0	45.45
FUEVFVND	1,864.0	41.01
VSH	1,949.4	37.85
E1VFN30	1,500.0	32.28
FPT	360.9	31.15
HNX		
SHB	4,700.0	127.84
IDC	3,800.0	117.80
NVB	1,752.9	30.01
VC3	619.4	13.36
DDG	246.0	7.81
VND	20.0	0.72
THS	15.7	0.19

VNM (-68.9 tỷ), Vincom Retail-VRE (-46.9 tỷ) và Hòa Phát-HPG (-45.5 tỷ).

Trên sàn HNX, chỉ số HNX-Index cũng đã chính thức đảo chiều tăng điểm trở lại sau chuỗi 4 phiên giảm điểm trước đó và chốt phiên tại mức 282.07 điểm (+0.54%). Tuy nhiên, tín hiệu dòng tiền không thực sự được ủng hộ khi thanh khoản vẫn đang trong xu hướng giảm dần. KLGD khớp lệnh đạt 85.7 triệu cổ phiếu (-14.5%), tương đương 1,704.9 tỷ đồng giá trị (+1.9%).

Sắc xanh lan tỏa trở lại ở nhiều cổ phiếu trụ trên sàn giúp kéo chỉ số HNX-Index đóng cửa lên mức cao nhất phiên. Trong đó, Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+0.7%), Idico-IDC (+2.4%), Dầu khí PTSC-PVS (+2.6%) là những cổ phiếu tăng tốt dẫn đầu đà tăng cho chỉ số. Ở chiều ngược lại, áp lực điều chỉnh không đáng kể, chủ yếu đến từ một số có mức thanh khoản thấp như HTINVEST-HTP (-9.5%), Nhựa Đồng Nai-DNP (-6.1%), Nhựa Tiên Phong-NTP (-2.8%).

Khối ngoại cũng tiếp đà mua ròng trên sàn HNX với giá trị 2.3 tỷ đồng (-66.2%). Với những cổ phiếu được mua nhiều nhất là Vicostone-VCS (+1.2 tỷ), Dầu khí PTSC-PVS (+0.9 tỷ), Tập đoàn Trí Việt-TVC (+0.7 tỷ). Trái lại, lực bán của khối ngoại đến từ các cổ phiếu như Chứng khoán VNDIRECT-VND (-1.3 tỷ), KLF Global-KLF (-0.8 tỷ), Chứng khoán Bảo Việt-BVS (-0.4 tỷ).

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm thứ hai liên tiếp. Khối lượng giao dịch gia tăng nhưng vẫn ở dưới mức bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý dòng tiền đang thận trọng. Không những vậy, xu hướng chính trong ngắn hạn vẫn là điều chỉnh, khi chỉ số đóng cửa dưới MA20 cùng với MA5 cắt xuống MA20 cho thấy áp lực điều chỉnh còn hiện hữu, phiên tăng điểm vừa qua có thể chỉ mang tính hồi phục kỹ thuật. Thêm vào đó, đường MACD đang hướng xuống và nằm dưới Signal duy trì tín hiệu bán, do đó, trong trường hợp chỉ số không sớm vượt qua sức ép của MA20 thì áp lực chốt lời sẽ gia tăng và chỉ số có thể quay lại thử thách vùng hỗ trợ quanh 1,200 điểm. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Mặc dù, chỉ số có phiên tăng điểm nhưng đóng cửa dưới MA20, cùng khối lượng giao dịch duy trì ở mức thấp cho thấy phiên tăng điểm có thể chỉ mang tính kỹ thuật. Chỉ số có thể vẫn chưa thoát khỏi áp lực điều chỉnh ngắn hạn với ngưỡng hỗ trợ gần quanh vùng 272 điểm (MA50). Nhìn chung, thị trường vẫn chưa thoát khỏi xu hướng giảm ngắn hạn, phiên tăng điểm vừa qua có thể nằm trong nhịp hồi kỹ thuật. Do đó, nhà đầu tư nên quan sát thận trọng và tránh bị lôi kéo vào các vị thế mua đuổi giá cao ở thời điểm hiện tại.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SVC	85.6	0.1	7.0%
FUCVREIT	31.4	2.0	7.0%
HAX	25.3	1,534.2	7.0%
CRE	37.7	2,281.8	7.0%
TTF	7.5	2,102.8	7.0%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
DLG	3.2	10,694.3	-7.0%
CIG	8.6	35.5	-7.0%
HMC	24.1	412.6	-6.9%
ABS	69.8	300.1	-6.9%
HOT	32.9	0.2	-6.9%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
STB	24.2	1,704.7	4.8%
VPB	55.0	951.9	3.4%
HPG	56.0	906.0	-0.5%
VHM	100.9	580.2	0.9%
MBB	30.3	531.7	2.2%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
STB	24.2	71,125.7	4.8%
HQC	3.9	52,815.5	2.4%
ROS	6.5	34,299.1	-3.0%
FLC	11.1	23,296.3	0.0%
VPB	55.0	17,660.9	3.4%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SHN	8.8	58.2	10.0%
VE4	25.3	1.0	10.0%
L43	5.5	0.3	10.0%
TST	9.9	0.1	10.0%
TMX	14.3	1.3	10.0%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
MEL	13.1	12.8	-9.7%
HTP	19.0	21.0	-9.5%
PDC	6.7	0.4	-9.5%
NAP	9.1	0.1	-9.0%
SVN	4.1	341.2	-8.9%

Top 5 giá trị

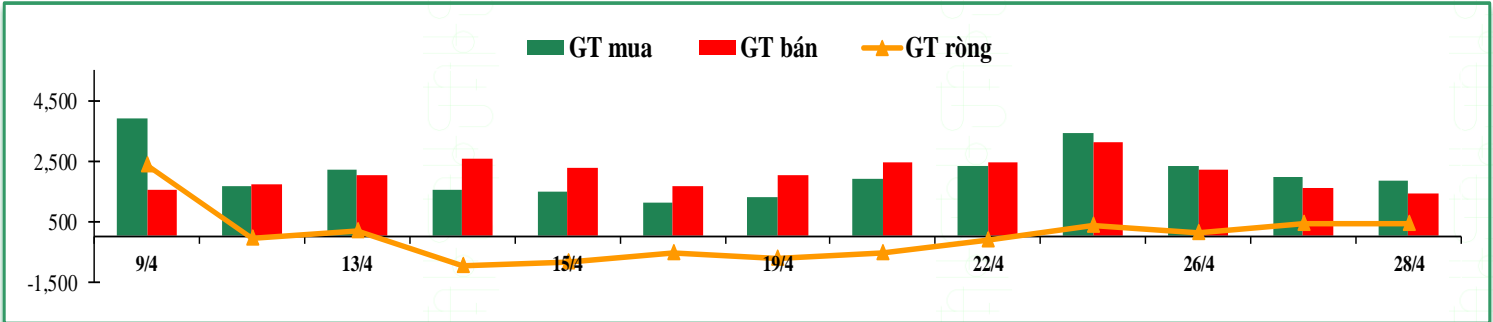
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	27.4	579.2	0.7%
THD	187.1	182.6	0.2%
IDC	34.1	169.2	2.4%
VND	35.7	158.3	1.7%
SHS	27.3	129.9	1.5%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SHB	27.4	21,272.1	0.7%
NVB	16.9	7,154.5	-1.7%
KLF	5.7	6,442.6	1.8%
IDC	34.1	5,310.5	2.4%
SHS	27.3	4,763.9	1.5%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	1,825.9	11.8%	1,429.9	9.3%	396.0
HNX	8.3	0.4%	6.0	0.3%	2.3
Tổng số	1,834.2		1,435.9		398.3



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VHM	100.9	298.4	0.9%
STB	24.2	169.1	4.8%
VNM	93.7	145.7	-2.1%
VIC	131.5	124.0	-0.5%
HPG	56.0	117.7	-0.5%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VNM	93.7	214.6	-2.1%
HPG	56.0	163.2	-0.5%
VPB	55.0	114.0	3.4%
VHM	100.9	112.4	0.9%
VRE	31.5	103.1	2.9%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VHM	100.9	186.0	0.9%
STB	24.2	139.2	4.8%
MSN	99.0	101.5	1.0%
NVL	128.0	61.9	5.3%
HDB	26.9	33.9	0.2%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCS	89.3	1.4	0.0%
PVS	19.9	1.2	2.6%
VND	35.7	0.9	1.7%
TVC	14.1	0.7	0.7%
LHC	86.0	0.6	8.4%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VND	35.7	2.2	1.7%
KLF	5.7	0.8	1.8%
BVS	20.7	0.5	3.5%
PVS	19.9	0.3	2.6%
LHC	86.0	0.3	8.4%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCS	89.3	1.2	0.0%
PVS	19.9	0.9	2.6%
TVC	14.1	0.7	0.7%
ACM	3.6	0.5	9.1%
WCS	195.6	0.4	-2.7%

Tin trong nước

ADB: Dự trữ ngoại hối Việt Nam ước đạt 4,2 tháng nhập khẩu

Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) vừa tổ chức buổi họp báo về triển vọng kinh tế châu Á. Theo đại diện ADB, trong năm 2020, Ngân hàng Nhà nước đã cắt giảm lãi suất tái cấp vốn ba lần, từ 6,0% xuống mức thấp kỷ lục 4,0%. Đồng thời, trần lãi suất huy động tiền VND kỳ hạn dưới 6 tháng và lãi suất cho vay ngắn hạn đối với các lĩnh vực ưu tiên cũng được giảm.

Mặt khác, Ngân hàng Nhà nước cũng hỗ trợ tín dụng thông qua cơ cấu lại nợ, miễn, giảm lãi suất đối với các khoản vay hiện tại và áp dụng lãi suất ưu đãi cho các khoản vay mới đối với các lĩnh vực ưu tiên.

Đáng chú ý, các chuyên gia tại ADB cho rằng, dự trữ ngoại hối Việt Nam đã tăng và ước đạt khoảng 4,2 tháng nhập khẩu vào thời điểm cuối năm 2020.

Sang năm 2021, ADB cho rằng tăng trưởng tín dụng tại Việt Nam sẽ được cải thiện bởi các đợt cắt giảm lãi suất trong năm trước và nhu cầu vốn của doanh nghiệp phục hồi.

"Ngân hàng nhà nước đặt chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng và tổng phương tiện thanh toán là 12,0% trong năm nay. Đồng thời cơ quan này đã chỉ đạo các ngân hàng thương mại tiếp tục cơ cấu lại nợ, miễn giảm lãi cho đến hết năm 2021 để hỗ trợ doanh nghiệp đang cố gắng đương đầu với tác động của đại dịch Covid-19", ADB nêu chi tiết.

"Điều này có thể dẫn đến khả năng làm tăng thâm hụt tài khoá lên mức cao hơn mục tiêu bội chi ngân sách cho năm 2021 ở mức 4,0% GDP", ADB dự báo.

ADB nâng dự báo tăng trưởng Việt Nam lên 6,7%, đồng thời cảnh báo nguy cơ bùng nổ 'bong bóng' tài sản

Sáng ngày 28/4, Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) đã công bố dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm nay đạt 6,7%, cao hơn chỉ tiêu Quốc hội 0,7 điểm phần trăm và mục tiêu Chính phủ là 0,2 điểm phần trăm.

Quý 1/2021, lạm phát giảm xuống mức thấp nhất kể từ năm 2016 nhờ chi phí vận tải giảm và nhu cầu yếu. Song, trong bối cảnh phục hồi toàn cầu và tiêu dùng nội địa tăng khiến giá dầu tăng sẽ dẫn đến lạm phát tăng lên 3,8% trong năm nay và 4% năm sau.

ADB cho hay, thời gian tới, Việt Nam sẽ phải đối mặt với một số thách thức. Cụ thể, thách thức lớn nhất chính là đại dịch Covid-19 bùng phát trở lại bởi các biến thể mới và triển khai tiêm vaccine còn chậm.

Đại diện ngân hàng này nhận định: "Nếu việc triển khai vaccine còn chậm trễ, đà tăng trưởng cao trước đại dịch của Việt Nam có khả năng bị tác động". Đặc biệt, đầu tư tư nhân trong nước phục hồi nhanh chóng cũng có thể làm tăng rủi ro bong bóng tài sản, nhất là khi nguồn vốn không được hướng vào các lĩnh vực sản xuất.

Nguồn: Cafef

Tin doanh nghiệp niêm yết

Tập đoàn SMBC sẽ mua 49% vốn FE Credit

Ngày 28/4, VPBank (HoSE: VPB) thông báo ký kết thỏa thuận với Tập đoàn Tài chính Sumitomo Mitsui (SMFG, Tập đoàn SMBC) để bán 49% vốn điều lệ tại Công ty Tài chính TNHH MTV Việt Nam Thịnh Vượng (FE Credit). Công ty Tài chính Tiêu dùng SMBC (SMBCCF), một công ty con do SMFG sở hữu 100% vốn, là pháp nhân mua phần vốn góp này.

Theo Nikkei Asia, Sumitomo Mitsui sẽ đầu tư hơn 100 tỷ yên (tương đương 920 triệu USD) vào FE Credit vào đầu tháng 10. Đây là khoản đầu tư lớn nhất của một ngân hàng Nhật Bản vào một tổ chức tài chính Việt Nam. Sumitomo Mitsui đang hướng tới việc mở rộng hoạt động kinh doanh ở châu Á.

FE Credit là công ty do VPBank nắm 100% vốn. Đơn vị này chiếm khoảng 50% thị phần cho vay tiêu dùng tại Việt Nam. Đến nay, FE Credit đang phục vụ gần 11 triệu người dân Việt Nam thông qua các sản phẩm và dịch vụ cho vay tín chấp

Năm 2020, lãi trước thuế FE Credit đạt 3.713 tỷ đồng, giảm 17% so với năm trước. Doanh số giải ngân của FE Credit đạt 63.000 tỷ đồng, giảm 14%. Tổng thu nhập hoạt động của công ty đạt 17.317 tỷ đồng 0,6%.

Đến 31/12/2020, tổng dư nợ tín dụng tăng 9% lên 66.000 tỷ đồng, 37% từ khách hàng mới. Về chất lượng tài sản, tỷ lệ nợ xấu tăng từ mức 6% thời điểm cuối năm trước lên mức 6,6%. Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) tăng từ 15,9% lên 19,1%.

Tập đoàn SMBC là một trong ba tập đoàn tài chính ngân hàng lớn nhất tại Nhật Bản, với tổng tài sản trên 2.100 tỷ USD tại thời điểm 31/12/2020. Tập đoàn hoạt động trong các lĩnh vực ngân hàng bán lẻ, ngân hàng doanh nghiệp, và ngân hàng đầu tư trên toàn cầu, với sự hiện diện tại trên 40 quốc gia.

Quý I, Vinhomes lãi ròng gần 5.400 tỷ đồng

CTCP Vinhomes (HoSE: VHM) công bố báo cáo tài chính quý I với doanh thu thuần 12.986 tỷ đồng, tăng 99% cùng kỳ năm trước chủ yếu nhờ tăng trưởng doanh thu bán lẻ và bán lô lớn bất động sản.

Tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 7.085 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ đạt 5.396 tỷ đồng, giảm lần lượt 30% và 21% cùng kỳ. Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) đạt 1.640 đồng. Tại ngày 31/3, tổng tài sản Vinhomes đạt 207.715 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu đạt 94.605 tỷ đồng, tăng 6% so với đầu năm.

Cùng những kết quả bán hàng ấn tượng và hàng loạt hoạt động thúc đẩy kinh doanh mạnh mẽ, Vinhomes tiếp tục đứng đầu hạng mục “Top 10 Chủ đầu tư Bất động sản uy tín năm 2021” theo bình chọn của Vietnam Report.

VPBank cho vay 26% dư nợ liên quan bất động sản

Theo BCTC hợp nhất quý I, tổng tài sản đến cuối tháng 3 của VPBank (HoSE: VPB) ở mức 436.241 tỷ đồng, tăng 4% so với cuối năm trước. Cho vay khách hàng tăng 3,5% lên 301.172 tỷ đồng. Nợ xấu tăng 5% lên hơn 10.421 tỷ đồng. Riêng nợ nhóm 3 tăng 17% lên 7.062 tỷ đồng, nhưng nợ nhóm 5 giảm 17% còn 1.523 tỷ đồng.

Tổng dư nợ cho vay liên quan đến bất động sản nhà ở chiếm gần 25,7%, tăng so với 25,2% cuối năm trước. Tiền gửi khách hàng giảm nhẹ xuống 232.426 tỷ đồng, trong khi tiền gửi và vay các tổ chức tài chính, tín dụng khác tăng 25% lên 70.921 tỷ đồng.

Trong quý I, VPBank ghi nhận thu nhập lãi thuần 9.120 tỷ đồng, tăng 14% so với cùng kỳ 2020. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ tăng 42%, lên 987,5 tỷ đồng. VPBank lãi trước thuế 4.006 tỷ đồng, tăng 37%, tương đương 24% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hơn 20.617 tỷ đồng.

Nguồn: NDH

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	DGC	Mua	29/04/21	70	70	0.0%	81.8	16.9%	67	-4.3%	Cổ phiếu đã được tích lũy và có cơ hội quay lại xu hướng tăng

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	AST	Quan sát mua	29/04/21	54	57-58.5	Nhịp điều chỉnh về lại hỗ trợ mạnh quanh 54 (MA200, fibo 61.8, đáy cũ) + phiên tăng vol cao trở lại -> khả năng có thể tạo đáy quanh đây và sớm có nhịp hồi phục ngắn hạn
2	BCC	Quan sát mua	29/04/21	11	12-12.2	Nhịp điều chỉnh về lại hỗ trợ quanh 11 với nền, vol nhỏ dần -> có cơ hội hồi phục ngắn hạn
3	CTR	Quan sát mua	29/04/21	84.4	92-95	Nhịp điều chỉnh về lại hỗ trợ 80-85 với nền, vol nhỏ dần -> có cơ hội hồi phục ngắn hạn

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	FPT	Mua	20/04/21	80.8	81.5	-0.9%	95	16.6%	78.8	-3%	
2	NLG	Mua	26/04/21	35.3	34.95	1.0%	40	14.4%	33.4	-4%	
3	VSC	Mua	28/04/21	50	49.9	0.2%	55	10%	47	-6%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thống kê giao dịch chứng quyền ngày 28/04/2021									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CFPT2012	1,500	6,050	-0.3%	303%	10,960	6	80,800	5,964	(86)	HCM	FPT	51,000	5.0	04/05/2021
CFPT2016	2,580	7,290	0.6%	183%	13,580	55	80,800	6,192	(1,098)	SSI	FPT	50,000	5.0	22/06/2021
CFPT2101	1,500	4,160	0.5%	177%	13,630	68	80,800	1,112	(3,048)	MBS	FPT	74,500	6.0	05/07/2021
CHDB2008	2,702	2,010	2.0%	-26%	45,880	6	26,850	303	(1,707)	KIS	HDB	25,888	3.2	04/05/2021
CHDB2101	1,000	2,280	0.9%	128%	13,710	147	26,850	99	(2,181)	KIS	HDB	29,888	5.0	22/09/2021
CHPG2018	1,200	6,480	-1.7%	440%	33,800	16	56,000	6,507	27	KIS	HPG	29,999	4.0	14/05/2021
CHPG2020	5,700	32,610	-0.6%	472%	1,500	63	56,000	30,096	(2,514)	VND	HPG	26,000	1.0	30/06/2021
CHPG2022	2,100	14,200	-1.9%	576%	46,710	6	56,000	14,505	305	HCM	HPG	27,000	2.0	04/05/2021
CHPG2026	3,350	9,510	0.0%	184%	7,780	12	56,000	9,763	253	MBS	HPG	36,500	2.0	10/05/2021
CHPG2101	1,050	5,520	0.2%	426%	16,840	147	56,000	2,442	(3,078)	KIS	HPG	46,888	4.0	22/09/2021
CHPG2102	6,600	19,000	1.0%	188%	35,660	68	56,000	15,164	(3,836)	ACBS	HPG	41,000	1.0	05/07/2021
CHPG2103	3,900	9,580	0.0%	146%	24,690	69	56,000	7,085	(2,495)	VND	HPG	42,000	2.0	06/07/2021
CHPG2104	1,500	5,900	-1.7%	293%	19,270	68	56,000	3,793	(2,107)	MBS	HPG	44,800	3.0	05/07/2021
CHPG2105	3,000	10,590	0.1%	253%	34,540	103	56,000	7,127	(3,463)	HCM	HPG	42,000	2.0	09/08/2021
CKDH2001	1,400	2,300	3.1%	64%	55,020	16	34,850	2,163	(137)	KIS	KDH	26,222	4.0	14/05/2021
CKDH2002	1,600	3,100	9.9%	94%	27,780	110	34,850	1,923	(1,177)	KIS	KDH	27,333	4.0	16/08/2021
CKDH2101	1,000	2,300	-4.2%	130%	19,250	147	34,850	482	(1,818)	KIS	KDH	33,333	5.0	22/09/2021
CMBB2010	4,600	14,660	8.6%	219%	19,330	47	30,250	14,294	(366)	SSI	MBB	16,000	1.0	14/06/2021
CMBB2101	1,600	4,600	7.0%	188%	66,460	69	30,250	2,178	(2,422)	VND	MBB	26,000	2.0	06/07/2021
CMSN2009	1,200	3,900	-1.3%	225%	7,920	16	99,000	3,743	(157)	KIS	MSN	61,999	9.9	14/05/2021
CMSN2101	1,050	2,930	0.3%	179%	21,540	147	99,000	252	(2,678)	KIS	MSN	99,999	20.0	22/09/2021
CMSN2102	1,000	2,810	0.4%	181%	13,440	147	99,000	77	(2,733)	KIS	MSN	111,111	20.0	22/09/2021
CMWG2013	12,000	26,580	-1.6%	122%	2,110	63	140,000	22,178	(4,402)	VND	MWG	96,000	2.0	30/06/2021
CMWG2015	1,900	4,030	-4.5%	112%	16,710	12	140,000	4,007	(23)	HCM	MWG	100,000	10.0	10/05/2021
CMWG2016	1,700	3,430	-6.3%	102%	34,260	43	140,000	3,227	(203)	HCM	MWG	108,000	10.0	10/06/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CMWG2101	2,400	3,390	-8.4%	41%	15,990	69	140,000	2,348	(1,042)	VND	MWG	117,000	10.0	06/07/2021
CMWG2102	3,000	6,400	-3.8%	113%	5,970	96	140,000	4,166	(2,234)	VCI	MWG	120,000	5.0	02/08/2021
CMWG2103	1,900	2,850	-8.4%	50%	14,500	68	140,000	1,229	(1,621)	MBS	MWG	128,500	10.0	05/07/2021
CMWG2104	2,400	4,810	-4.8%	100%	22,380	(37)	140,000	(37)	(4,847)	ACBS	MWG	135,000	10.0	22/03/2021
CNVL2003	1,000	6,050	7.7%	505%	112,480	44	128,000	6,483	433	KIS	NVL	63,979	9.9	11/06/2021
CNVL2101	1,000	3,900	13.0%	290%	32,970	147	128,000	3,207	(693)	KIS	NVL	77,999	15.8	22/09/2021
CPNJ2101	1,700	2,150	4.9%	26%	50,020	69	95,700	1,820	(330)	VND	PNJ	78,000	9.9	06/07/2021
CPNJ2102	2,000	4,000	5.3%	100%	4,510	96	95,700	3,238	(762)	VCI	PNJ	80,000	5.0	02/08/2021
CPNJ2103	2,900	3,630	10.0%	25%	11,650	51	95,700	3,427	(203)	MBS	PNJ	78,800	5.0	18/06/2021
CREE2006	1,500	2,200	-3.9%	47%	17,170	12	51,000	(0)	(2,200)	HCM	REE	66,002	4.0	10/05/2021
CREE2101	2,300	2,650	-4.3%	15%	28,660	69	51,000	828	(1,822)	VND	REE	48,000	4.0	06/07/2021
CSBT2101	1,100	2,080	-1.0%	89%	19,580	147	20,450	25	(2,055)	KIS	SBT	24,666	5.0	22/09/2021
CSTB2007	1,500	6,550	8.6%	337%	96,590	29	24,200	6,610	60	KIS	STB	10,999	2.0	27/05/2021
CSTB2010	1,100	6,100	7.4%	455%	73,970	44	24,200	6,116	16	KIS	STB	11,999	2.0	11/06/2021
CSTB2014	3,800	12,250	8.4%	222%	84,140	47	24,200	12,233	(17)	SSI	STB	12,000	1.0	14/06/2021
CSTB2016	1,200	4,530	5.1%	278%	21,600	6	24,200	5,032	502	KIS	STB	14,141	2.0	04/05/2021
CSTB2101	1,000	5,400	11.3%	440%	19,810	147	24,200	1,412	(3,988)	KIS	STB	21,999	2.0	22/09/2021
CSTB2102	2,000	7,860	9.6%	293%	24,900	37	24,200	6,239	(1,621)	MBS	STB	18,000	1.0	04/06/2021
CSTB2103	1,400	5,740	11.5%	310%	73,820	103	24,200	3,155	(2,585)	HCM	STB	18,000	2.0	09/08/2021
CTCB2012	5,400	18,800	0.5%	248%	7,880	93	39,950	18,070	(730)	SSI	TCB	22,000	1.0	30/07/2021
CTCB2013	4,700	17,050	2.8%	263%	3,610	6	39,950	16,958	(92)	SSI	TCB	23,000	1.0	04/05/2021
CTCB2101	5,000	13,200	0.0%	164%	11,260	160	39,950	9,297	(3,903)	ACBS	TCB	31,000	1.0	05/10/2021
CTCB2102	2,300	5,000	0.0%	117%	46,250	69	39,950	2,064	(2,936)	VND	TCB	36,000	2.0	06/07/2021
CTCB2103	2,900	5,810	1.2%	100%	36,550	103	39,950	2,397	(3,413)	HCM	TCB	35,500	2.0	09/08/2021
CTCH2001	1,400	840	-11.6%	-40%	87,120	16	22,000	1	(839)	KIS	TCH	22,888	3.9	14/05/2021
CTCH2003	1,600	2,220	4.2%	39%	44,910	110	22,000	119	(2,101)	KIS	TCH	23,999	3.9	16/08/2021
CTCH2101	1,000	2,480	0.0%	148%	12,580	147	22,000	165	(2,315)	KIS	TCH	24,666	3.9	22/09/2021
CVHM2008	1,400	3,300	1.5%	136%	35,380	44	100,900	1,224	(2,076)	KIS	VHM	88,888	10.0	11/06/2021
CVHM2010	1,300	2,440	5.6%	88%	111,700	6	100,900	2,443	3	HCM	VHM	76,500	10.0	04/05/2021
CVHM2101	1,100	3,100	2.7%	182%	18,500	147	100,900	185	(2,915)	KIS	VHM	106,888	16.0	22/09/2021
CVHM2102	2,300	3,880	0.8%	69%	17,100	69	100,900	1,426	(2,454)	VND	VHM	87,000	10.0	06/07/2021
CVHM2103	1,650	3,360	-2.6%	104%	13,620	37	100,900	811	(2,549)	MBS	VHM	93,000	10.0	04/06/2021
CVHM2104	1,600	3,530	0.9%	121%	34,760	103	100,900	544	(2,986)	HCM	VHM	98,000	10.0	09/08/2021
CVIC2005	1,500	3,410	-10.0%	127%	29,420	44	131,500	2,491	(919)	KIS	VIC	106,868	10.0	11/06/2021
CVIC2101	1,000	3,000	-1.0%	200%	27,050	147	131,500	450	(2,550)	KIS	VIC	126,888	20.0	22/09/2021
CVIC2102	1,800	4,020	-4.3%	123%	7,960	37	131,500	3,172	(848)	MBS	VIC	100,000	10.0	04/06/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVJC2006	1,000	1,360	-6.2%	36%	22,470	44	126,000	759	(601)	KIS	VJC	111,111	20.0	11/06/2021
CVNM2011	1,100	1,140	-12.3%	4%	45,600	44	93,700	(0)	(1,140)	KIS	VNM	133,333	16.3	11/06/2021
CVNM2101	1,100	2,350	-2.5%	114%	9,320	147	93,700	0	(2,350)	KIS	VNM	126,888	19.8	22/09/2021
CVNM2102	1,700	2,270	-12.4%	34%	37,120	69	93,700	0	(2,270)	VND	VNM	108,994	9.9	06/07/2021
CVNM2103	1,700	2,500	-13.8%	47%	38,000	51	93,700	0	(2,500)	MBS	VNM	104,000	10.0	18/06/2021
CVPB2011	1,900	14,450	2.6%	661%	1,440	6	55,000	15,504	1,054	HCM	VPB	24,000	2.0	04/05/2021
CVPB2015	5,600	29,000	4.4%	418%	2,580	93	55,000	29,142	142	SSI	VPB	26,000	1.0	30/07/2021
CVPB2016	4,800	26,640	6.8%	455%	420	6	55,000	28,010	1,370	SSI	VPB	27,000	1.0	04/05/2021
CVPB2101	2,900	9,160	7.8%	216%	22,420	69	55,000	9,075	(85)	VND	VPB	37,000	2.0	06/07/2021
CVPB2102	2,800	9,200	8.0%	229%	17,670	37	55,000	9,789	589	MBS	VPB	35,500	2.0	04/06/2021
CVPB2103	2,700	9,520	7.1%	253%	52,610	103	55,000	9,360	(160)	HCM	VPB	36,500	2.0	09/08/2021
CVRE2009	1,400	1,190	1.7%	-15%	22,830	29	31,500	138	(1,052)	KIS	VRE	30,999	5.0	27/05/2021
CVRE2011	1,500	1,540	2.7%	3%	12,410	44	31,500	97	(1,443)	KIS	VRE	31,888	4.0	11/06/2021
CVRE2013	5,000	8,450	1.4%	69%	14,670	93	31,500	4,211	(4,239)	SSI	VRE	27,500	1.0	30/07/2021
CVRE2014	4,600	3,760	10.6%	-18%	94,150	6	31,500	4,010	250	SSI	VRE	27,500	1.0	04/05/2021
CVRE2101	1,200	2,650	0.0%	121%	15,720	147	31,500	193	(2,457)	KIS	VRE	34,567	4.0	22/09/2021
CVRE2102	1,800	2,480	9.3%	38%	27,580	69	31,500	465	(2,015)	VND	VRE	30,000	4.0	06/07/2021
CVRE2103	1,300	2,550	3.7%	96%	21,060	103	31,500	272	(2,278)	HCM	VRE	32,000	4.0	09/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2021F (tỷ)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F	Cổ tức dự kiến**	
STK	(New)	HOSE	32,800	41,000	28/04/2021	187	2,211	14,974	15%	9.6%	18.6	2.7	-
DHG	(New)	HOSE	99,900	100,400	28/04/2021	742	5,676	28,774	20%	15.9%	18.1	3.6	30%
PNJ	(New)	HOSE	95,700	116,000	27/04/2021	1,538	6,762	27,589	25%	15.7%	17.2	4.2	20%
HPG	(New)	HOSE	56,000	52,900	27/04/2021	16,753	5,038	22,193	23%	12.0%	10.5	2.4	5%
FPT	(New)	HOSE	80,800	91,800	14/04/2021	5,036	4,730	26,109	25%	10.8%	19.4	3.5	20%
DGW		HOSE	108,400	103,700	13/04/2021	425	9,881	35,452	28%	11.1%	10.5	2.8	20%
VHC		HOSE	36,900	48,900	12/04/2021	951	5,188	31,003	12%	16.7%	9.4	1.6	-
ACV		UPCOM	72,100	85,600	09/04/2021	3,027	1,390	17,759	8%	4.7%	60.6	4.7	6%
MSN		HOSE	99,000	110,800	08/04/2021	2,209	1,890	16,195	13%	2.0%	58.7	6.9	-
ANV		HOSE	21,950	26,000	05/04/2021	281	2,202	18,506	12%	5.9%	11.8	1.4	-
REE		HOSE	51,000	62,100	02/04/2021	1,937	5,984	45,456	14%	9.0%	10.4	1.4	0%
VNM		HOSE	93,700	128,000	01/04/2021	10,488	4,972	16,501	30%	19.8%	25.8	7.8	45%
PLX		HOSE	50,000	64,800	31/03/2021	4,563	3,668	17,545	18%	6.8%	17.7	3.7	30%
SBT		HOSE	20,450	30,000	25/03/2021	744	1,165	13,578	9%	3.7%	25.8	2.2	5%
MPC		UPCOM	35,200	44,700	25/03/2021	762	3,811	27,801	14%	8.2%	11.7	1.6	-
FMC		HOSE	31,000	43,900	18/03/2021	236	4,014	21,355	17%	11.5%	10.0	1.9	-
GVR		HOSE	25,000	40,200	17/03/2021	4,906	1,042	13,121	9%	6.0%	38.6	3.1	3%
VRE		HOSE	31,500	43,400	12/03/2021	3,135	1,423	12,382	10%	7.1%	29.2	3.3	-
TCM		HOSE	114,800	66,000	11/03/2021	287	4,630	28,532	16%	9.4%	12.5	2.0	-
MWG		HOSE	140,000	140,600	08/03/2021	4,546	10,036	41,716	24%	8.8%	14.0	3.4	15%
GAS		HOSE	81,900	102,000	05/03/2021	10,892	5,691	27,913	20%	14.8%	18.0	3.7	35%
MSH		HOSE	52,200	56,300	03/03/2021	336	6,721	30,835	22%	11.9%	8.4	1.8	-
GMD		HOSE	33,700	54,800	24/02/2021	541	1,794	22,180	8%	5.0%	12.8	1.0	10%
NLG		HOSE	35,300	39,000	24/02/2021	966	3,763	26,600	14%	7.0%	10.4	1.5	5%
TNG		HOSE	21,300	23,800	19/02/2021	198	2,671	16,167	17%	5.2%	8.9	1.5	-
GIL		HOSE	72,000	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	9.8%	6.2	1.3	-
GTN		HOSE	18,750	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	7.6%	58.4	2.3	0%
IMP		HOSE	72,500	59,400	21/01/2021	210	3,144	27,758	12%	10.0%	18.9	2.3	20%
FRT		HOSE	27,250	37,700	20/01/2021	28	350	15,466	2%	0.6%	62.0	1.4	10%

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

VCB		HOSE	99,000	113,000	19/01/2021	18,436	4,971	31,498	17%	1.4%	22.7	3.6	0%
ACB		HOSE	33,800	32,300	19/01/2021	8,912	4,123	20,313	23%	1.9%	7.8	3.6	0%
TCB		HOSE	39,950	26,700	19/01/2021	15,022	4,292	25,693	18%	3.5%	6.5	1.1	0%
VHM		HOSE	100,900	102,000	19/01/2021	35,222	10,530	42,470	37%	11.8%	9.8	2.4	-
KDH		HOSE	34,850	29,400	19/01/2021	1,763	3,182	17,973	19%	8.3%	8.5	1.5	-
SAB		HOSE	169,800	182,900	19/01/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17.3%	26.6	5.1	35%
LHG		HOSE	34,950	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	5.6%	8.1	1.0	-
PHR		HOSE	51,900	67,650	19/01/2021	1,105	8,158	20,173	32%	15.7%	6.6	2.1	30%
PVS		HNX	19,900	16,100	19/01/2021	928	1,843	27,820	7%	3.4%	8.7	0.6	5%
PLX		HOSE	50,000	56,200	19/01/2021	3,917	2,905	21,808	17%	6.8%	19.3	2.6	30%
CTR		UPCOM	84,400	78,800	19/01/2021	223	3,172	14,460	23%	6.4%	21.1	4.6	10%
POW		HOSE	12,200	14,700	19/01/2021	2,837	1,055	14,071	9%	5.2%	13.9	1.0	3%
GEG		HOSE	17,300	19,000	19/01/2021	383	1,184	13,017	14%	5.3%	16.1	1.5	-
BMP		HOSE	59,200	65,900	19/01/2021	542	6,622	32,553	20%	17.5%	10.0	2.0	40%
CTD		HOSE	63,500	66,000	19/01/2021	702	8,852	115,000	8%	4.9%	7.5	0.6	30%
VHC		HOSE	36,900	50,600	14/01/2021	892	5,134	26,696	18%	13.2%	9.9	1.9	-

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2021 trên mệnh giá.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.